TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 328/2022/DS-PT
Ngày 23 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp chia tài sản chung và đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 514/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp chia tài sản chung và đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 769/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 528/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số 56/10, đường T, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thái H và ông Nguyễn N- Luật sư Công ty Luật TNHH N1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng K1, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: Số 2/2 đường T1, khu phố 3, phường H1, thành phố T4(Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 320/30/10, đường T2, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Ngọc S, sinh năm 1955 (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/02/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Số 253/13, đường B, Phường 24, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 288, đường H2, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Vũ Quang Đ- Luật sư Văn phòng Luật sư Vũ Quang Đ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ K2, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: 4201E 5thST T3 AZ.85711, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Ngọc S, sinh năm 1955 (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/9/2017 và ngày 04/9/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Số 253/13, đường B, Phường 24, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 288, đường H2, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1958 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 56/10, đường T, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ H3(Justin Christine H3), sinh năm 1959;

Địa chỉ: 2931 W Ajo Hwy, T3 AZ 85746-8836, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng K1 (Theo giấy ủy quyền ngày 10/02/2020) (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 2/2 T1, khu phố 3, phường H1, thành phố T4(Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 320/30/10, đường T2, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Trọng N2(Johnathan N2 Nguyen), sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: 3942E 5thST T3 AZ 85711, USA.

5. Bà Nguyễn Thiện K3, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 320/30/10, đường T2, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Diệp Q, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số 56/10, đường T, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Công ty TNHH Một thành viên X Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 49, đường T5, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ủy ban nhân dân thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 168, đường T6, phường T7, thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Phòng Công chứng Z(xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 12, đường T8, phường B2, thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Mỹ K là nguyên đơn, ông Diệp Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ K:

Nguồn gốc căn nhà số 2/2 T1, khu phố 3, phường H1, (Quận 9 cũ), thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha, mẹ bà (ông Nguyễn Văn Đ1- mất năm 2005, bà Lê Thị Mỹ D- mất năm 2018), nhà có giấy tờ mua bán thời chế độ cũ. Năm 1991, khi ông Đ1 và bà D xuất cảnh theo diện HO, định cư tại Mỹ, ông bà có lập Văn tự cho nhà (ngày …8/1989) giao nhà cho ông Nguyễn Trọng K1, với điều kiện nếu ông K1 bán nhà phải được sự đồng ý của các em, nhưng trên thực tế thì giao căn nhà cho vợ chồng bà K quản lý, sử dụng. Sau đó Nhà nước đã quản lý căn nhà, chỉ cho lưu cư với diện tích 4m^2, diện tích nhà còn lại phải trả tiền thuê theo quy định.

Sau đó không rõ vì sao ông K1 đã đứng tên mua hóa giá căn nhà này. Năm 2015, ông K1 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ K2 và năm 2016 bà K2 kiện bà K để đòi lại căn nhà.

Bà K xác định ngoài vợ chồng bà thường lui tới, trông coi căn nhà, thì hoàn toàn không có ai cư trú tại đây, cũng không cho ai thuê nhà.

Bà K yêu cầu:

+ Hủy hợp đồng mua hóa giá căn nhà giữa ông K1 và Nhà nước;

+ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7358 ngày 23/3/2015 giữa ông K1và bà K2;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 001/2007/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T4), Thành

phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trọng K1, bà Nguyễn Thiện K3 ngày 09/02/2007, cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị Mỹ K2 ngày 10/4/2015;

+ Chia tài sản chung đối với căn nhà nêu trên cho các anh chị em gồm: ông Nguyễn Trọng K1, bà Nguyễn Thị Mỹ P, bà Nguyễn Thị Mỹ H3, bà Nguyễn Thị Mỹ K2, bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Nguyễn Trọng N2- trong đó bà được hưởng 1/7 giá trị căn nhà.

+ Bồi thường cho bà công sức giữ gìn, bảo quản căn nhà tương đương 1/7 giá trị căn nhà; Hoàn trả chi phí tôn tạo, sửa chữa căn nhà với số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng K1 có đại diện ủy quyền trình bày:

Ông K1 xác định nhà đất tranh chấp trước đây là tài sản của cha, mẹ ông (ông Đ1, bà D). Ông đã sinh sống cùng cha mẹ và có hộ khẩu thường trú tại đây từ năm 1985. Đến năm 1991, cha mẹ ông xuất cảnh sang Mỹ theo diện HO, trước khi đi ông bà đã giao căn nhà cho Nhà nước quản lý theo Giấy chứng nhận số 7870/N6 ngày 31/8/1991 của Sở Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngay sau đó, ông được Nhà nước cho lưu trú và cho thuê lại nhà và sử dụng liên tục. Đến năm 2006, ông tiếp tục được Nhà nước chấp thuận cho mua hóa giá nhà và được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 001/2007/GCN ngày 09/02/2007. Năm 2015, vợ chồng ông bán lại căn nhà này cho người em gái là bà Nguyễn Thị Mỹ K2, bà K2 đã được cập nhật sang tên ngày 10/4/2015.

Theo ông K1, căn nhà này đã không còn thuộc sở hữu của cha mẹ ông, mà thuộc sở hữu Nhà nước kể từ ngày 31/8/1991. Căn cứ vào quá trình sử dụng các giấy tờ thuê nhà, mua hóa giá nhà thì ông là chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà, việc ông chuyển nhượng cho bà K2 là hợp pháp, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn vô lý, ông không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ K2 có đại diện ông Cao Ngọc S trình bày:

Bà K2 xác nhận căn nhà 2/2 T1, khu phố 3, phường H1, Quận 9 (nay là thành phố T4), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông K1 do mua hóa giá hợp pháp. Việc vợ chồng ông K1 bán căn nhà cho bà cũng là hợp pháp. Do là chị em ruột, bà K2 có cho vợ chồng bà K quản lý, trông coi hộ căn nhà, nhưng đến khi bà K2 yêu cầu giao trả lại căn nhà, thì vợ chồng bà K không muốn trả. Vì vậy năm 2016 bà K2đ ã khởi kiện bà K tại Tòa án nhân dân Quận 9 (thụ lý số 95/2016/TLST-DS ngày 15/4/2016), sau đó vụ án được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút lên (thụ lý số 307/2020/TLST-DS ngày 22/5/2020), nhập vào vụ án số 415/2019/TLST-DS ngày 25/06/2019 giữa bà K và ông K1(theo Quyết định số 136/2021/QĐ-NVA ngày 21/01/2021).

Bà K2 yêu cầu bà K, ông Q phải giao trả căn nhà số 2/2 T1, khu phố 3, phường H1, Quận 9 (nay là thành phố T4), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K2 không chấp nhận bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào của bà K.

Ông Diệp Q thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thiện K3 là vợ của bị đơn ông Nguyễn Trọng K1, bà K3có lời khai thống nhất với ý kiến của ông K1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Thị Mỹ H3, Nguyễn Trọng N2 không tranh chấp gì trong vụ án.

Công ty TNHH Một thành viên X Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản đã xác định toàn bộ quá trình thuê nhà và mua hóa giá nhà của ông Nguyễn Trọng K1 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, ông K1, bà K3 là người sở hữu hợp pháp của căn nhà số 2/2 T1, Khu phố 3, phường H1, Quận 9 (nay là thành phố T4) kể từ thời điểm hoàn tất thủ tục mua hóa giá nhà.

Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T4) đã được Tòa án triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng không cử người tham gia tố tụng, cũng không có ý kiến gì về vụ án, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 769/2021/DS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ K về việc chia tài sản chung với số tiền tương đương 1/7 giá trị căn nhà.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Nguyễn Trọng K1, về việc ông K1 có trách nhiệm hoàn trả chi phí sửa chữa nhà cho bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q số tiền 514.319.950 (Năm trăm mười bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, chín trăm năm mươi) đồng.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của bà K về việc chia công sức giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị căn nhà tranh chấp, với số tiền 12.171.340.575 (Mười hai tỷ, một trăm bảy mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, năm trăm bảy mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ K2;

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q giao trả cho bà K2 căn nhà số 2/2 T1, khu phố 3, phường H1, thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 001/2007/GCN ngày 09/02/2007, đã được cập nhật sang tên ngày 10/4/2015).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/5/2021 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng sửa án, hủy bỏ hợp đồng mua bán nhà đất giữa ông K1 và

bà K2, hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp cho bà K2, buộc ông K1 phải trả tiền công sức trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản số tiền là 12.173.340.575 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Trọng K1, bà Nguyễn Thị Mỹ K2 đồng ý hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ K, ông Diệp Q số tiền là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q giao trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ K2 căn nhà số 2/2 T1, khu phố 3, phường H1, thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 001/2007/GCN ngày 09/02/2007, đã được cập nhật sang tên ngày 10/4/2015).

Việc giao trả tiền và nhà được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay (ngày 23/5/2022).

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*"

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng K1 được miễn án phí.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ K số tiền tạm ứng án phí 24.000.000 đồng mà bà K đã nộp theo các biên lai thu số AA/2017/0039681 ngày 14/9/2018 và AA/2018/0009463 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T4).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ K2 số tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số AC/2014/0007469 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T4).

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định giá tài sản 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, bị đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q mỗi người phải chịu là 300.000 đồng được trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Mỹ K đã tạm nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0094773 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Diệp Q đã tạm nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0094774 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 769/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Trọng K1, bà Nguyễn Thị Mỹ K2 đồng ý hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ K, ông Diệp Q số tiền là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q giao trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ K2 căn nhà số 2/2 T1, khu phố 3, phường H1, thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 001/2007/GCN ngày 09/02/2007, đã được cập nhật sang tên ngày 10/4/2015).

Việc giao trả tiền và nhà được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay (ngày 23/5/2022).

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*"

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng K1 được miễn án phí.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ K số tiền tạm ứng án phí 24.000.000 đồng mà bà K đã nộp theo các biên lai thu số AA/2017/0039681 ngày 14/9/2018 và AA/2018/0009463 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T4).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ K2 số tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số AC/2014/0007469 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T4).

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định giá tài sản 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, bị đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q mỗi người phải chịu là 300.000 đồng được trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Mỹ K đã tạm nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0094773 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Diệp Q đã tạm nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0094774 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 769/2021/DS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Trọng K1, bà Nguyễn Thị Mỹ K2 đồng ý hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ K, ông Diệp Q số tiền là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q giao trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ K2 căn nhà số 2/2 T1, khu phố 3, phường H1, thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 001/2007/GCN ngày 09/02/2007, đã được cập nhật sang tên ngày 10/4/2015).

Việc giao trả tiền và nhà được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay (ngày 23/5/2022).

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các*

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015."

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng K1 được miễn án phí.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ K số tiền tạm ứng án phí 24.000.000 đồng mà bà K đã nộp theo các biên lai thu số AA/2017/0039681 ngày 14/9/2018 và AA/2018/0009463 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T4).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ K2 số tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số AC/2014/0007469 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T4).

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định giá tài sản 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, bị đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Diệp Q mỗi người phải chịu là 300.000 đồng được trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Mỹ K đã tạm nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0094773 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Diệp Q đã tạm nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0094774 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (Ân - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương